

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA VIỆT

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ:
CẢNG CỬA VIỆT**

QUẢNG TRỊ, NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA VIỆT

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ:

CẢNG CỬA VIỆT

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CỬA VIỆT
GIÁM ĐỐC



Hoàng Đức Chung

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Phú

QUẢNG TRỊ, NĂM 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	3
DANH MỤC HÌNH	4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	5
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở:	6
2. Tên cơ sở.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	9
4.1. Nhiên liệu	9
4.2. Nguồn cung cấp điện, nước.....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	9
5.1. Thông tin chung về cơ sở	10
5.2. Hạng mục công trình của Cơ sở	10
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	13
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	13
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	14
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	14
1.3. Xử lý nước thải:.....	15
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	17
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	17
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	18
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	18
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	18
6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	18
6.2. Phòng ngừa, ứng phó với sự cố tràn dầu	20
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	23

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	24
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	24
1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	24
1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải	24
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	25
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	25
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	27
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:	27
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:	27
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:	27
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:	30
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:	30
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	31
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	31
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	31
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	31
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	31
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	32
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	33
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	34

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Công suất hoạt động của Cơ sở	7
Bảng 2. Quy trình tiếp nhận và khai thác hàng tại Cơ sở.....	7
Bảng 3. Sản lượng các loại hàng thông qua Cảng Cửa Việt	9
Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu.....	9
Bảng 5. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Cơ sở	9
Bảng 6. Quy mô sử dụng đất của Cơ sở	10
Bảng 7. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, tách ly dầu	16
Bảng 8. Khối lượng CTNH phát sinh thường xuyên của Cơ sở	18
Bảng 9. Nguồn nước phục vụ PCCC tại Cơ sở	19
Bảng 10. Hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH tại Cơ sở.....	19
Bảng 11. Các phương tiện UPSCTD được Công ty trang bị	20
Bảng 12. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm	25
Bảng 13. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm	25
Bảng 14. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung.....	26
Bảng 15. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải	27
Bảng 16. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí vùng làm việc	28
Bảng 17. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh	29

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ quy trình xuất nhập dầu tại Cảng Cửa Việt.....	8
Hình 2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Cảng.....	14
Hình 3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa nhiễm dầu tại Cơ sở.....	15
Hình 4. Sơ đồ quy trình Ứng phó sự cố tràn dầu.....	22

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	CBCNV	Cán bộ, công nhân viên
4	CHHVN	Cục Hàng hải Việt Nam
5	CNCH	Cứu nạn cứu hộ
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTR	Chất thải rắn
8	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
9	NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
10	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
11	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
12	QCXD	Quy chuẩn xây dựng
13	TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
14	UPSCTD	Ứng phó sự cố tràn dầu
15	XLNT	Xử lý nước thải

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt
- Địa chỉ văn phòng: Khu phố 6, thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Hoàng Đức Chung - Giám đốc
- Điện thoại: 0233.3824355; E-mail: cangcuaviet@yahoo.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty Cổ phần; Mã số doanh nghiệp: 3200266161; Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 7 năm 2007; Đăng ký lần thứ: 2, ngày 30 tháng 3 năm 2020; Chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Cảng Cửa Việt
- Địa điểm cơ sở: Khu phố 6, thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
 - + Quyết định số 185/1998/QĐ-CHHVN ngày 25/8/1998 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc công bố Cảng Cửa Việt;
 - + Quyết định số 211/QĐ-CHHVN ngày 15/5/2003 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc cho phép Cầu cảng số 2 - Cảng Cửa Việt được tiếp nhận tàu biển ra vào hoạt động.
 - Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần:
 - + Quyết định số 770/QĐ-UB ngày 04/7/1997 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng Cảng Cửa Việt tỉnh Quảng Trị;
 - Quy mô của cơ sở có tiêu chí như dự án quy định tại Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Cơ sở thuộc lĩnh vực đầu tư cảng biển quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 của Luật Đầu tư công năm 2019 có tổng mức đầu tư 32 tỷ đồng (dưới 120 tỷ đồng), được phân loại vào dự án nhóm C. Dự án có cấu phần xây dựng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³/ngày trở lên quy định tại mục II.2 phụ lục V Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.
 - Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định.
 - Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, khai thác cảng biển
 - Phân nhóm dự án đầu tư: Nhóm III.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Cảng Cửa Việt có diện tích tổng diện tích 29.053,2 m², gồm bến số 1 xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 1998 tại Quyết định số 185/1998/QĐ-CHHVN ngày 25/8/1998 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc công bố Cảng Cửa Việt, sau đó Cảng mở rộng thêm cầu cảng số 2 để đáp ứng nhu cầu tiếp nhận tàu. Khu vực trạm bán dầu Diesel gồm 01 cột bơm dầu và 01 bể chìm chứa dầu 25 m³. Ngoài ra, Cơ sở còn có các hạng mục như là bãi chứa vật liệu, trạm cân. Công suất hoạt động của Cơ sở như sau:

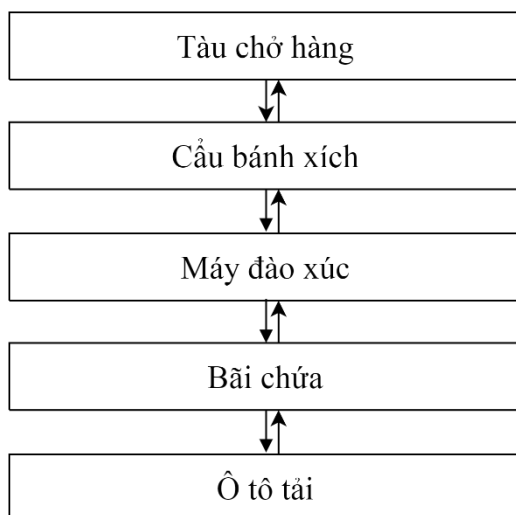
Bảng 1. Công suất hoạt động của Cơ sở

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Cầu cảng số 1 và số 2	tấn	3.000
2	Kho chứa hàng tổng hợp	m ²	900
3	Bãi tập kết	m ²	1.200
4	Dầu Diesel 0,05S	m ³ /tháng	25

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

3.2.1. Quy trình tiếp nhận và khai thác hàng tại Cơ sở

Loại hàng bốc xếp tại Cơ sở rất đa dạng về chủng loại, trong đó chủ yếu là hàng rời (dăm gỗ, than cám, ván ép, cát thạch anh) và hàng bách hoá, tổng hợp (phân bón, tinh bột, vật liệu xây dựng,...).



Bảng 2. Quy trình tiếp nhận và khai thác hàng tại Cơ sở

Thuyết minh quy trình:

- Hàng tổng hợp qua cảng gồm nhiều loại từ 2 nguồn chính là hàng xuất nhập khẩu của các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc tỉnh và nguồn hàng quá cảnh của Lào, Thái Lan chuyển qua.

- Phương án bốc xếp loại hàng này là sử dụng cần cầu bánh xích (có tính cơ động cao, phù hợp với cảng nhỏ) có nhiều móc cầu hàng khác nhau để phù hợp với

từng loại hàng hóa.

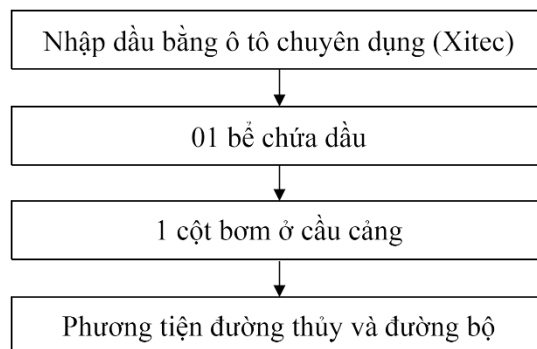
- Đối với hàng rời sẽ sử dụng băng tải để chuyển tải hàng hóa từ thuyền lên trực tiếp xe vận tải.

- Tại sân bãi sử dụng máy đào Kobelco SK200LC để xúc/múc hàng hóa lên xe vận chuyển.

- Giữa bến và bãi sẽ dùng ô tô tải 15-20T để vận chuyển hàng hóa từ bãi ra bến và ngược lại.

3.2.2. Quy trình xuất nhập dầu

Quy trình xuất nhập dầu tại Cơ sở:



Hình 1. Sơ đồ quy trình xuất nhập dầu tại Cảng Cửa Việt

Thuyết minh quy trình:

Dầu được vận chuyển đến Cơ sở bằng ô tô xitec và được nhập vào bể chứa bằng hệ thống họng nhập kín và sử dụng hệ thống thu hồi hơi để hạn chế tối đa lượng xăng dầu thất thoát do bay hơi. Trong quá trình nhập dầu, ô tô xitec được đấu nối với hệ thống tiếp đất đảm bảo dẫn điện tốt để phòng ngừa xuất hiện tĩnh điện gây cháy nổ trong quá trình nhập hàng.

Dầu từ bồn chứa được xuất bằng hệ thống ống thép đi ngầm dưới sàn bê tông dẫn ra cầu cảng đến cột bơm điện tử sau đó bơm cho các phương tiện đường thủy tùy theo số lượng của khách hàng. Thông thường, các tàu tại Cơ sở thường mua dầu với lượng khoảng 3-5 m³ dầu/lần mua. Khi tàu hết sạch nguyên liệu thì sẽ mua với lượng khoảng 15-20 m³/lần mua.

Đối với kho dầu thì lượng mua bán vào khoảng 25m³/tháng, hiện nay Chủ cơ sở đang cho Công ty TNHH Thanh Thành Đạt thuê lại trạm dầu để phục vụ cho hoạt động cấp, trữ dầu của Công ty.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Hàng hóa bốc xếp tại Cơ sở rất đa dạng về chủng loại, trong đó gồm các loại hàng hoá là hàng rời (dăm gỗ, than cám, thạch cao...) và hàng tổng hợp (nông sản, bao kiện, sắt thép, thiết bị). Ngoài ra còn có lượng hàng từ 2 nguồn chính là hàng xuất nhập khẩu của các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc tỉnh Quảng Trị và từ nguồn hàng quá cảnh của các nước Thái Lan, Lào chuyển qua.

Bảng 3. Sản lượng các loại hàng thông qua Cảng Cửa Việt

Loại hàng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Titan	1.500,00	4.661,00			
Gỗ dăm	679.613,74	696.247,81	757.950,55	445.768,76	454.693,67
Gỗ ván ép			3.718,00		
Cát Thạch Anh		1.857,40			
Tổng cộng	681.113,74	6.518,40	761.668,55	445.768,76	454.693,67

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nhiên liệu

Cơ sở sử dụng nhiên liệu chủ yếu là dầu Diesel cho các máy móc thiết bị phục vụ hoạt động dỡ tải, bốc xúc tại Cơ sở như sau:

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

TT	Loại máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Nhu cầu sử dụng
1	Cầu RDK300	Sức nâng tối đa 20 tấn	47 lít/ca
2	Cầu RDK300-1	Sức nâng tối đa 30 tấn	49 lít/ca
3	Máy đào Kobelco SK200LC	Dung tích gầu 0,7m ³	59 lít/ca
<u>Ghi chú:</u> Định mức tiêu hao nhiên liệu được tham khảo tại Quyết định số 4543/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị			

Nguồn cung cấp nhiên liệu được thu mua từ các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4.2. Nguồn cung cấp điện, nước

- Nhu cầu sử dụng điện để cấp cho các tàu neo đậu tại Cảng, cấp cho sinh hoạt, thắp sáng và văn phòng làm việc tại Cơ sở.

- Nhu cầu sử dụng nước cấp cho sinh hoạt của tàu thuyền neo đậu và nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Cơ sở.

Ngoài ra, cơ sở còn sử dụng nước để tưới cây xanh trong khuôn viên cơ sở, dự phòng chữa cháy.

Nhu cầu sử dụng điện, nước của Cơ sở biến động theo thời điểm, tập trung vào các tháng mùa hè (thời điểm lượng hàng hóa thông qua Cơ sở nhiều), thông kê khối lượng điện, nước sử dụng của Cơ sở như sau:

Bảng 5. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Cơ sở

Nguồn cung cấp điện, nước	7/2024	8/2024	9/2024	Đơn vị cung cấp
Điện	24.413 kWh/tháng	50.150 kWh/tháng	37.155 kWh/tháng	Công ty CP Điện lực Quảng Trị
Nước	639 m ³ /tháng	967 m ³ /tháng	929 m ³ /tháng	Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị

5.1. Thông tin chung về cơ sở

- Tổng số lượng cán bộ công nhân viên: 19 người
- Loại hình hoạt động: Kinh doanh dịch vụ cảng biển, bốc xếp hàng hóa.

5.2. Hạng mục công trình của Cơ sở

Bảng 6. Quy mô sử dụng đất của Cơ sở

TT	Hạng mục sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Bến cảng số 1	2.189,8	7,54
2	Bến cảng số 2	3.805,9	13,10
3	Kho hàng hóa	900,0	3,10
4	Trạm dầu (gồm cột bơm và kho)	442,0	1,52
5	Khu nhà điều hành	3.229,0	11,11
6	Xưởng cơ khí	874,0	3,01
7	Sân bãi bê tông	7.077,0	24,36
8	Bãi cát (đất trống dự phòng)	3.537,8	12,18
9	Đất hạ tầng kỹ thuật	274,4	0,94
10	Khuôn viên cây xanh	2.975,0	10,24
11	Đường giao thông	3.748,3	12,90
	Tổng cộng	29.053,2	100,00

5.2.1. Hạng mục công trình chính

Cấp cảng: Cấp V - Cảng biển

Công trình bến: Cấp III - Cảng biển

Chiều dài luồng tàu vào cảng: 2km, vùng quay tàu và khu nước neo cập tàu

Chiều dài cầu tàu: 63,7m

Luồng tàu: Thiết kế cho tàu 5.000 tấn, tuyến luồng dài 2km từ phao số 0 đến cảng, hướng luồng chia làm 2 đoạn:

+ Đoạn 1: Hướng Bắc - Đông Bắc 35⁰00' - 215⁰000'

+ Đoạn 2: Hướng Đông - Đông Bắc 60⁰00' - 24⁰000' đến cảng

Chuẩn tắc luồng:

+ Chiều rộng đáy luồng: B = 55m

+ Mái dốc nạo vét: m = 1/10 - 1/15

+ Cao độ nạo vét: -5,90m

+ Bán kính đoạn cong của luồng: R = 500m

+ Chiều dài đoạn luồng nạo vét: l = 890m

+ Mức nước chạy tàu thiết kế: +0,2

+ Phao báo hiệu: 7 phao

Vũng quay tàu và khu trước cầu tàu:

- Vũng quay tàu kế tiếp khu nước trước cầu tàu cao độ đáy bằng 5,9m. Đường kính quay tàu $R = 132\text{m}$ (bằng 1,5L tàu).

- Khu nước trước cầu tàu: Cao độ đáy -6,2m; Chiều rộng 38,5m; Chiều dài 125m.

- Bến cập tàu: Chiều dài bến 63,7m; Chiều rộng 14,5; Cao độ mặt bến +2,20m; Đáy bến -6,2m; Cầu tàu bệ cọc BTCT.

5.2.2. Các công trình phụ trợ

- Đường đi và bãi xếp hàng trong cảng.

- Bãi rộng 63,7m, dài 100m. Tại mép bến phía trong cao độ bãi +2,3m và dốc dần lên vào trong, độ dốc 5%. Mặt đường từ cổng vào đến bãi rộng 7,0m phần lề đường 2x1,5m.

- Văn phòng cảng: Bao gồm cảng vụ, văn phòng giao nhận và vận tải thanh tra giám sát ở cảng, quan hoa tiêu, phục vụ đội tàu vận tải, cơ quan đại lý thuế vụ của cảng.

- Nhà điều hành sản xuất: Nhà 2 tầng cấp 2 chiều dài 17,7m, chiều rộng 14,7m, chiều cao mỗi tầng 3,9m, diện tích sàn 450m². Tầng 1 gồm 6 phòng làm việc, diện tích 20m²/phòng. Tầng 2 gồm 4 phòng làm việc mỗi phòng 20m² và 1 phòng họp 40m².

- Nhà kho: Kích thước (30x30x6)m, tổng diện tích sàn 900m².

- Nhà cân ô tô: Kích thước (15,9x9,6)m, phần cao trên mặt đất 5,1m, sâu dưới đất 2,0m. Diện tích 100m², thiết bị lắp đặt cân 30 tấn.

- Xưởng cơ khí: Kích thước dài (36x24)m gồm 2 nhịp, mỗi nhịp 12m. Diện tích xưởng 874m².

5.2.3. Các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Thu gom và thoát nước mưa: Nước mưa trên mái nhà (khu điều hành, kho hàng) thu gom theo đường ống nhựa $\mu\text{PVC } \phi 110$ xuống mặt đất và thoát ra khu vực xung quanh theo địa hình. Nước mưa từ sân bãi được thu gom bằng rãnh BTCT kích thước (40x51)cm với chiều dài 87,5m.

- Thu gom và thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành sẽ được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5m³ để xử lý.

- Thu gom và xử lý nước mưa nhiễm dầu: Chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống thu gom dài 33m, bể tách ly dầu 12,75m³ và ống thoát ra cửa biển dài 5,5m.

- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn: Bố trí 06 thùng rác loại 30÷60L và 03 thùng 120L để thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải phát sinh từ sân bãi (dăm gỗ, chai lọ, bao bì,...).

- CTNH: Bố trí 01 kho chứa CTNH, bố trí 03 thùng phuy loại 200L để thu gom và lưu giữ. Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hoà để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

- Ứng phó sự cố tràn dầu: Chủ cơ sở đã lập sự cố ứng phó tràn dầu và được phê duyệt tại Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cảng Cửa Việt. Theo đó, trang bị các trang thiết bị, phương tiện và phương án ứng phó đối với sự cố tràn dầu.

- PCCC: Bố trí các trang thiết bị để PCCC và CNCH, thành lập đội PCCC của Cơ sở.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, trong đó Cảng Cửa Việt có chức năng khu bến tổng hợp địa phương kết hợp hành khách phục vụ giao thương giữa huyện đảo cồn cỏ và đất liền, có bến cảng phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa các khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị; có bến tổng hợp, hàng rời, bến khách, bến xăng dầu.

- Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 17/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu.

- Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cảng Cửa Việt.

- Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phương án phân vùng chức năng không gian biển:

+ Vùng phát triển kinh tế (vùng II) gồm có: (ii) vùng hoạt động cảng và giao thông, vận tải biển (vùng II.B) có cảng biển, bến tàu và các vùng nước sử dụng cho vận tải biển và các hoạt động thương mại, dịch vụ liên quan.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Đối chiếu với Khoản e, Điều 42, Luật Bảo vệ Môi trường 2020 nêu rõ “Tại thời điểm cấp giấy phép môi trường, trường hợp Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì việc cấp giấy phép môi trường được thực hiện căn cứ vào khoản a,b,d và đ”. Vì vậy, đối với khu vực Cơ sở, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực (sông Thạch Hãn) chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường tiếp nhận nước thải.

Theo kết quả giám sát tại báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hằng năm Cơ sở tại Chương V, các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

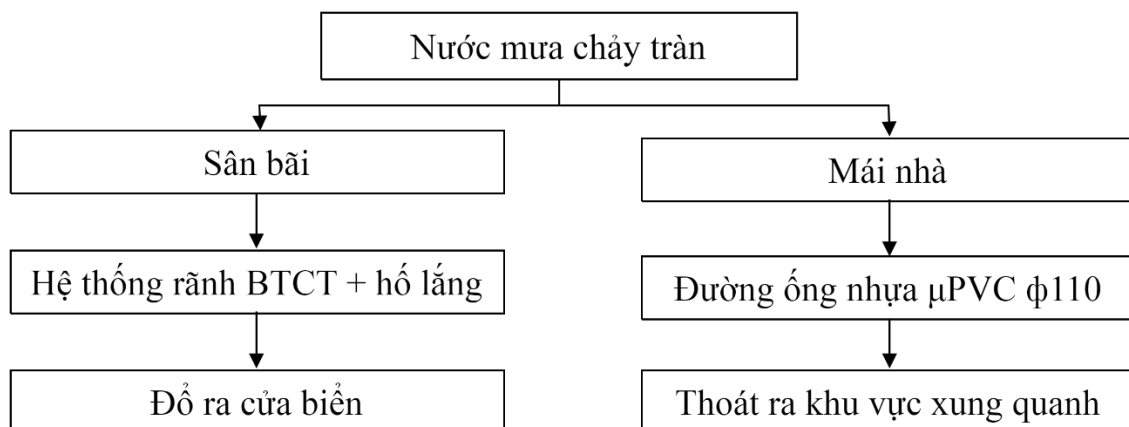
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Nước mưa trên mái nhà (khu điều hành, kho hàng) thu gom theo đường ống nhựa μ PVC $\phi 110$ xuống mặt đất và thoát ra khu vực xung quanh theo địa hình.

- Nước mưa chảy tràn trên sân bãi: Đã đầu tư hệ thống thu gom bằng rãnh BTCT kích thước (40x51)cm với chiều dài 87,5m, 175 tấm đan và 6 hố lắng, nước mưa sau đó đổ ra cửa biển.

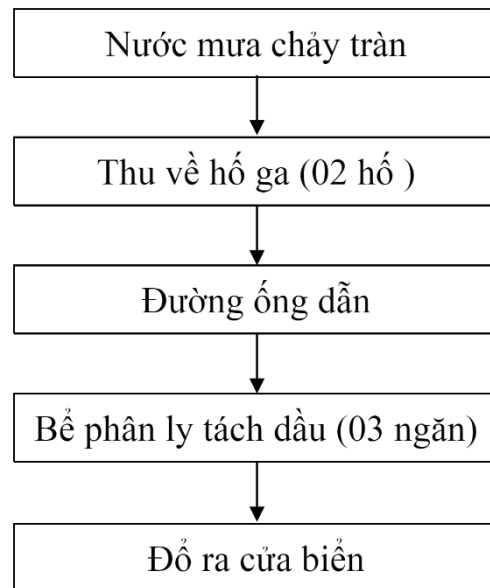


Hình 2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Cảng

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Công trình thu gom nước thải: Nước thải sinh hoạt từ Khu nhà điều hành của 19 CBCNV làm việc tại Cơ sở được thu gom bằng đường ống nhựa μ PVC $\phi 34\div\phi 110$ dài 69m về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5m^3 để xử lý. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sẽ thấm vào khu đất nằm trong khuôn viên của Cơ sở.

Công trình thu gom nước mưa chảy tràn nhiễm dầu bố trí tại khu vực số 1 (tạp dầu) và khu vực số 2 (trạm bơm) được thu gom bằng đường ống D140 dẫn từ 02 hố ga đến bể tách ly dầu với chiều dài đường ống thu gom là 33m và chiều dài đường ống thoát là 5,5m đổ ra cửa biển góc phía Nam của Cơ sở:



Hình 3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa nhiễm dầu tại Cơ sở

1.3. Xử lý nước thải:

1.3.1. Nước thải sinh hoạt

Hoạt động của Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt của 19 CBCNV với khối lượng khoảng 2,28 m³/ngày. Cơ sở đã xây dựng 3 bể tự hoại ba ngăn thể tích 5m³. Phần bùn thải được hợp đồng với Trung tâm môi trường và đô thị huyện Gio Linh định kỳ thu gom, xử lý.

1.3.2. Nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ

- Nguồn phát sinh: Nước mưa chảy tràn chảy qua khu vực trạm dầu (bao gồm kho chứa và cột bơm)

- Thành phần: Nước thải phát sinh này chủ yếu chứa dầu mỡ rơi vãi, các chất rắn lơ lửng

Lượng nước mưa chảy tràn trên khu vực Dự án được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn (Các công thức tính toán được lấy từ TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế):

$$Q \text{ (L/s)} = q.F.\beta.\psi$$

Trong đó:

q - Cường độ mưa tính toán; Lượng mưa trung bình năm 2020 có giá trị 3.558mm, lượng mưa trung bình ngày 9,75mm;

F - Diện tích khu vực có nước mưa nhiễm dầu F = 442m² (0,0442 ha);

β - Hệ số phân bố mưa β = 1 (diện tích lưu vực <500ha);

Ψ - Hệ số dòng chảy Ψ = 0,8 (mái nhà, mặt phủ bê tông, chu kỳ lặp lại trận mưa là 5 năm).

Vậy lượng mưa chảy tràn qua khu vực chứa dầu như sau:

$$Q = q.F.\beta.\psi = 9,75 \text{ mm} \times 0,0442 \text{ ha} \times 1 \times 0,8 = 0,34 \text{ (L/s)} \approx 30 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$$

Nước mưa chảy tràn chứa dầu nằm trên sân bê tông theo độ dốc thiết kế dẫn về hố ga KT(1400x1400). Tại các chỗ trũng không đủ cos thì đục chôn ống D25 xuống nền bê tông để dẫn nước đến hố ga. Nước thải từ hố ga theo đường ống D140 về bể tách ly để tách dầu. Tại đây, nhờ sự khác nhau về trọng lượng riêng của dầu và nước nên dầu sẽ nổi lên trên mặt nước và được tách ra, những tạp chất rắn (chủ yếu là chất vô cơ) lắng xuống đáy bể. Công đoạn tại bể tách dầu cụ thể như sau:

+ Nước thải vào ngăn thứ nhất: Phần lớn các chất vô cơ như đất cát được lắng xuống, lượng dầu mỡ khoáng trong nước thải do có khối lượng riêng nhỏ hơn nước nên được nổi lên trên bề mặt sẽ chảy tràn vào máng gạn, thu dầu

+ Nước sau khi qua ngăn thứ nhất sẽ được dẫn vào ngăn thứ 2 bằng ống thông ở phía dưới mặt nước nhằm ngăn chặn dầu đi qua. Tại ngăn này, các chất cặn lắng tiếp tục được lắng xuống, phần nhũ dầu mỡ trong nước khi qua ngăn thứ 2, ở ngăn này do nước ở dạng ít bị xáo trộn nên phần nhũ dầu mỡ có điều kiện nổi lên trên mặt nước sẽ được tiếp tục gạn, thu dầu mỡ ở ngăn thứ 2.

+ Nước sau khi được tách dầu sẽ tiếp tục chảy vào bể thứ 3 có chứa các lớp cát, đá nhỏ, đá lớn để lắng hết lượng cặn cuối cùng trước khi thoát ra cửa biển.

Nước sau khi tách dầu mỡ được thoát ra cửa biển bằng đường ống D140 dài 5,5m.

Dầu mỡ được thu gom và lưu giữ vào kho đựng chất thải nguy hại của Cảng, Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ban hành ngày 10/01/2022 về hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường 2020 (*Hợp đồng được đính kèm tại Phụ lục*). Riêng phần cặn lắng sẽ hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh vận chuyển đến bãi rác tập trung để xử lý.

Định kỳ 06 tháng/lần Công ty sẽ tiến hành vệ sinh, nạo vét hệ thống thu gom và bể tách ly dầu tại Cảng.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, tách ly dầu:

Bảng 7. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, tách ly dầu

TT	Chủng loại	Thông số kỹ thuật
1	Hố ga	Số lượng: 2 cái Vật liệu: Bê tông cốt thép Kích thước: 1400x1400 mm
2	Bể tách ly dầu 3 ngăn	Số lượng: 1 bể 3 ngăn với thể tích 12,75m ³ Vật liệu: Bê tông cốt thép Kích thước: (D3000xR2500xC1700)mm
3	Ống nước D140	Chiều dài: 43,1 m Chiều dày: 3,2 ly Đường kính: 140 mm
4	Co nhựa ống D140	Số lượng: 3 cái
5	Ống nước D25	Chiều dài: 10,8 m Đường kính: 25 mm

(Bản vẽ hoàn công bể tách ly dầu đính kèm tại Phụ lục)

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Xe chở nguyên hàng hóa được phủ bạt che đúng quy định và không vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm.
- Bê tông hóa toàn bộ đường nội bộ và sân bãi nhằm hạn chế bụi phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào bến cảng, hoạt động bốc dỡ hàng hóa tại khu vực cảng.
- Hạn chế bốc dỡ hàng rời (thạch cao, than cám, dăm gỗ, clinker) vào những ngày gió lớn, đặc biệt từ năm 2019 đến nay Cơ sở không xuất nhập than cám. Trong trường hợp phải bốc dỡ sẽ áp dụng các biện pháp che chắn và phun ẩm hợp lý.
- Trồng cây xanh tạo vành đai xung quanh khu vực sẽ góp phần làm giảm lượng bụi phát tán ra môi trường xung quanh.
- Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường di chuyển và sân bãi, đặc biệt trong những ngày nắng nóng nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh và tạo không khí trong lành, mát mẻ.
- Đối với các phương tiện thủy cấp bến thì Chủ cơ sở sẽ yêu cầu chủ phương tiện thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng. Ưu tiên sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Ngoài ra, để hạn chế sự ảnh hưởng của tiếng ồn trong quá trình xuất nhập hàng, các máy móc gây tiếng ồn lớn không vận hành vào giờ nghỉ của nhân dân để tránh tác động đến các khu vực lân cận.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

**** Đối với CTR sinh hoạt***

Cơ sở hoạt động với 19 CBCNV. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn, chai, lon, vỏ hoa quả... Lượng rác thải sinh hoạt tính trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày thì tổng lượng rác thải phát sinh tính được khoảng 9,5kg/ngày.

Để xử lý chất thải tại Cơ sở, Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí bố trí 06 thùng rác (03 thùng 30L và 03 thùng 60L) khu nhà điều hành để phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại điều 75 Luật Bảo vệ môi trường 2020, trong đó được chia thành các loại CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế như chai nhựa, chai thủy tinh, túi nilon còn có khả năng sử dụng; chất thải thực phẩm như thức ăn thừa, rau, củ quả thải,... và CTR sinh hoạt khác như bao bì ni lon hồng, giấy lau,... để thu gom triệt để lượng CTR sinh hoạt.
- Rác thải sinh hoạt sau đó được thu gom và tập trung vào thùng 120L đặt tại sân (gần nhà xe) của Cơ sở và hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh để thu gom CTR sinh hoạt với tần suất 2 ngày/lần (*Hóa đơn đính kèm tại Phụ lục*).
- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton,... phát sinh tại khu vực sân bãi, cầu cảng, Chủ cơ sở đã bố trí 02 thùng 120L (có nắp đậy) để thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

*** CTR công nghiệp**

Chủ yếu là dăm gỗ rơi vãi, một lượng nhỏ bao bì, vật liệu từ hàng tổng hợp. Với sản lượng hàng hóa năm 2024: 454.693,67 tấn, tỷ lệ rơi vãi ước tính 0,001%. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh $454.693,67 \text{ tấn} \times 0,001\% = 454,69 \text{ tấn/năm}$. Lượng CTR phát sinh này được thu gom triệt để vào 03 thùng rác 120L và chuyển giao Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh đưa đi xử lý.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Đối với hoạt động của Cơ sở sẽ làm phát sinh các chất thải nguy hại chủ yếu như: dầu máy tổng hợp, bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính dầu mỡ.

Qua quá trình điều tra, khảo sát thực tế cho thấy khối lượng CTNH của cơ sở phát sinh như sau:

Bảng 8. Khối lượng CTNH phát sinh thường xuyên của Cơ sở

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Dầu máy tổng hợp	Lỏng	15
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	5
3	Giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	10
	Tổng cộng		30

CTNH trong Cơ sở được thu gom theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại như sau:

- CTNH đã được thu gom tập trung vào 03 thùng phuy loại 200L, có nắp đậy và tại các thùng chứa CTNH được dán nhãn để nhân viên thu gom biết phân loại chất thải, sau đó lưu vào khu vực kho CTNH có diện tích 12m² bố trí phía Nam Cơ sở.

- Bên ngoài kho chứa CTNH bố trí 01 biển báo không cho người ngoài ra vào khu vực.

- Nhà chứa CTNH: có diện tích 12m², xây dựng tôn và thép bao quanh, nhà cao 3m, được lợp bằng mái tôn.

Hiện nay, Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hoà để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (*Hợp đồng đính kèm tại Phụ lục*).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các khu vực sân bãi bê tông, nội quy đậu đỗ xe nhằm tránh ảnh hưởng của tiếng ồn do các phương tiện này. Tài xế hạn chế nổ máy xe trong lúc dừng chờ, quy định các xe ra vào khu vực Cơ sở không bóp còi gây ồn ào.

- Bố trí khu vực neo đậu tàu thuyền hợp lý, bố trí vành đai cây xanh trên bờ;

- Đối với những phương tiện do Chủ cơ sở quản lý thì định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn dầu mỡ đảm bảo phương tiện trong tình trạng tốt nhất khi hoạt động.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Giao thông, lối thoát nạn trong cảng được bố trí thông thoáng, không bị cản trở che chắn, đảm bảo yêu cầu thoát nạn, tổ chức chữa cháy khi có sự cố cháy, nổ xảy ra. Các cửa trên đường lối thoát nạn đều mở theo chiều hướng thoát nạn từ trong ra ngoài nhà.

- Có đường nội bộ rộng >8m dẫn đến sân bãi tập kết hàng hóa, hệ thống sân bãi tập kết hàng hóa, hệ thống sân bãi và đường nội bộ bằng phẳng, thuận tiện cho xe chữa cháy hoạt động.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho CBCNV về PCCC.

- Quân tâm đầu tư, bảo dưỡng, thay thế và trang bị các phương tiện PCCC và CNCH tại Cơ sở.

- Thành lập Ban chỉ huy và Đội PCCC của Cơ sở tại Quyết định số 117/QĐ-GĐ ngày 27/12/2022 với số lượng 10 người, tất cả đều đã được huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH, CBCNV đã cài đặt và biết sử dụng app “Báo cháy 114”.

Bảng 9. Nguồn nước phục vụ PCCC tại Cơ sở

TT	Nguồn nước	Trữ lượng	Vị trí khoảng cách nguồn nước (m)
1	Bể nước phục vụ chữa cháy	18m ³	Trong khuôn viên cơ sở
2	Trụ nước chữa cháy		Trong khuôn viên cơ sở
3	Cửa biển Cửa Việt	Rất lớn	Trong khuôn viên cơ sở

Bảng 10. Hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH tại Cơ sở

TT	Tên hệ thống, phương tiện	Chủng loại	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Nơi bố trí, lắp đặt
I	Hệ thống, phương tiện PCCC				
1	Bình chữa cháy xách tay	CO2MT3	10	Tốt	Kho, cây xăng
2	Bình chữa cháy xách tay	MFZL4	16	Tốt	Văn phòng công ty
3	Bình chữa cháy góc nước		03	Tốt	Xe cẩu, trạm biến áp
4	Đèn pin chống nước		03	Tốt	Kho
5	Rìu cứu nạn cứu hộ		01	Tốt	Kho
6	Máy bơm chữa cháy	P=15HP	01	Tốt	Kho
7	Cuộn chữa cháy	D65	04	Tốt	Kho
8	Cuộn chữa cháy	D50	02	Tốt	Kho
9	Lăng phun chữa cháy	D65	02	Tốt	Kho
10	Lăng phun chữa cháy	D50	02	Tốt	Kho
11	Hạng cấp nước chữa cháy ngoài cầu cảng		02	Tốt	Cầu cảng
12	Hộp chữa cháy có mái che ngoài cầu cảng		02	Tốt	Cầu cảng
13	Hộp chữa cháy trong kho		02	Tốt	Kho
14	Van góc chữa cháy		02	Tốt	

TT	Tên hệ thống, phương tiện	Chủng loại	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Nơi bố trí, lắp đặt
	D50				
15	Hệ hống cấp nước chữa cháy ngoài cầu cảng		02	Tốt	Cầu cảng
II	Hệ thống, phương tiện CNCH				
1	Thang nhôm		01	Tốt	Kho
2	Búa tạ		01	Tốt	Kho
3	Xà beng		01	Tốt	Kho
4	Kềm cộng lực		03	Tốt	Kho
5	Mũ chữa cháy cứu nạn		10	Tốt	Kho
6	Áo quần PCCC		10	Tốt	Kho
7	Găng tay		10	Tốt	Kho
8	Ứng chữa cháy		10	Tốt	Kho
9	Mặt nạ lọc độc	QCVN 10:2022 /BLĐTBXH	10	Tốt	Kho
10	Mặt nạ trùm		03	Tốt	Kho
11	Cáng cứu thương		01	Tốt	Kho
12	Bộ đàm		01	Tốt	Kho
13	Dây cứu người		02	Tốt	Kho
14	Túi cứu thương		02	Tốt	Kho

6.2. Phòng ngừa, ứng phó với sự cố tràn dầu

Trạm bán xăng dầu Cảng Cửa Việt với 01 bể chứa dầu 25 m³. Trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu ở mức tối đa 25 m³ thì sự cố tràn dầu ở mức trung bình. Như vậy, tại Công ty CP Cảng Cửa Việt có thể xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ đến mức trung bình. Căn cứ kế hoạch UPSCTD, Công ty đã trang bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện, nhân lực để sẵn sàng ứng phó với các mức sự cố có thể xảy ra

- Công ty đã chuẩn bị các phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với SCTD để chủ động phòng ngừa, ứng phó trong các tình huống, giảm thiểu rủi ro và thiệt hại do SCTD gây ra.

- Công ty đã rà soát, kiện toàn, phân công nhiệm vụ cho thành viên UPSCTD, gắn với trách nhiệm người đứng đầu; xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do SCTD của đơn vị; khi có SCTD xảy ra, cần huy động tổng hợp các lực lượng trên địa bàn, thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ, nhất là lực lượng xung kích cơ sở và địa phương, chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện và các yếu tố đảm bảo để triển khai nhiệm vụ kịp thời, giảm thiểu thiệt hại do SCTD gây ra.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác chuẩn UPSCTD; cập nhật, bổ sung và hoàn chỉnh các phương án chủ động UPSCTD. Đồng thời, có kế hoạch, phương án tổ chức tập huấn, diễn tập về UPSCTD nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, ứng phó khi có tình huống xảy ra...

- Các trang thiết bị UPSCTD Công ty trang bị:

Bảng 11. Các phương tiện UPSCTD được Công ty trang bị

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm đầu tư	Tình trạng
1	Bình bột chữa cháy MFZ4	bình	20	2020	Tốt
2	Bình bột chữa cháy MFT35	bình	03	2020	Tốt
3	Bình bột chữa cháy MT3	bình	20	2020	Tốt
4	Vòi cứu hỏa Φ 51	cái	05	2016	Tốt
5	Máy bơm nước	cái	01	2016	Tốt
6	Máy phát điện	cái	01	2016	Tốt
6	Xô xách nước	cái	05	2020	Tốt
7	Thủy đài chứa nước	cái	01	2015	Tốt
8	Xô múc xăng dầu bằng nhựa	chiếc	04	2020	Tốt
9	Thùng phuy chứa dầu tạm thời	chiếc	02	2020	Tốt
10	Đèn pin	chiếc	02	2021	Tốt
11	Xăng chữa cháy	cái	02	2018	Tốt
12	Chăn chữa cháy	cái	04	2018	Tốt
13	Chất thấm hút dầu trên nền sàn Kleen Sweep.	Bao	10	2022	Tốt
14	Phao quây thấm dầu nanoBOOM ² 60 và thiết bị kéo phao.	chiếc	20	2018	Tốt
15	Tấm thấm dầu nano PAD45	tấm	500	2018	Tốt

Quy trình ứng phó khi có sự cố tràn dầu thực hiện như sau:



Hình 4. Sơ đồ quy trình Ứng phó sự cố tràn dầu

*** Tổ chức cứu nạn và khống chế nguồn gây dầu tràn:**

Khi xảy ra sự cố, trước tiên tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm (nếu có) và khống chế nguồn gây dầu tràn. Triển khai các công việc sau:

- Khi phát hiện sự cố, phải khống chế ngay nguồn gây dầu tràn ngay sau khi phát hiện sự cố, ngừng hoạt động xuất/nhập dầu tại Cảng, đóng tất cả các van có liên quan, sơ tán nhanh chóng các phương tiện, con người đang có mặt tại Cảng.

- Tiếp cận hiện trường, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn (nếu có) và di tản ra khỏi khu vực sự cố.

- Phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện đảm bảo đảm bảo phòng chống cháy nổ báo động đến các phương tiện, người dân xung quanh Cảng tránh xa khu vực dầu tràn. Nghiêm cấm các hành vi phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt trong vùng sự cố.

- Báo cáo tình trạng thực tế ban đầu về dầu tràn.

- Bảo đảm an toàn, an ninh khu vực sự cố.

*** Thông báo, báo động:**

- Khi xảy ra sự cố, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay cho đội trưởng đội UPSCSTD, đội trưởng đội UPSCSTD thông báo cho Giám đốc Công ty/Chỉ huy trưởng để BCH kịp thời có mặt chỉ đạo xử lý sự cố, quyết định phương án ứng cứu.

- Khẩn trương báo động đến toàn bộ nhân viên, khách hàng, người dân xung quanh ... để sẵn sàng ứng phó hoặc di tản ra khỏi vùng sự cố.

Tùy mức độ dầu tràn để quyết định mức độ thông báo, báo động

Đánh giá sự cố: Mục đích nhằm xác định mức độ sự cố, cung cấp thông tin nhằm hướng dẫn, kiểm soát và ứng cứu.

- Các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá như vị trí và loại sự cố, ước lượng khối lượng dầu tràn, nguồn gây dầu tràn, loại dầu tràn, hướng gió, điều kiện thời tiết.

- Các thông tin cần xác định gồm:

+ Hướng di chuyển của vệt dầu;

+ Khả năng ảnh hưởng của dầu tràn;

+ Xác định nguyên nhân gây sự cố và khả năng tự ứng cứu ban đầu của bên gây sự cố, mức độ hỗ trợ của các cơ quan liên quan;

+ Mức độ thông báo/báo động;

+ Sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp an ninh để hạn chế việc tiếp cận dầu tràn.

+ Các hoạt động khả thi có thể thực hiện để kiểm soát nguồn dầu tràn, để chuyển hướng, ngăn chặn, cô lập và thu hồi dầu; làm sạch và khôi phục khu vực bị ảnh hưởng.

+ Thực lực của Đội UPCSTD tại hiện trường và các thiết bị ứng phó cần có để tiến hành thực hiện các hoạt động ứng phó;

+ Mức độ an toàn khi thực hiện các hoạt động kiểm soát, ứng phó.

** Lựa chọn phương án ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng ứng phó*

Để có phương án ứng phó có hiệu quả, nhiệm vụ quan trọng của chỉ huy trưởng và đội trưởng đội UPCSTD là lựa chọn phương pháp ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng để tổ chức ứng phó.

- Chỉ huy trưởng (Giám đốc Công ty) lựa chọn phương pháp ứng phó.

- Đội trưởng đội UPCSTD căn cứ quyết định phương pháp ứng phó, căn cứ vào thực tế hiện trường khu vực xảy ra sự cố trên đất liền là trên biển để lập ra phương án ứng phó tại hiện trường.

- Huy động toàn bộ lực lượng/trang thiết bị của Cảng tham gia ứng phó trên đất liền hoặc trên biển đối với trường hợp sự cố do các tàu cập cảng gây ra. Ngoài ra có thể huy động hỗ trợ từ các đơn vị liên quan trong trường hợp cần thiết.

** Phương án ứng phó sự cố tại hiện trường*

- Tìm mọi cách ngăn không cho dầu tiếp tục chảy ra môi trường; căn cứ vào tình hình thực tế tại hiện trường để sử dụng có hiệu quả các thiết bị UPSCTD, PCCC, hệ thống thu gom tách ly dầu, bơm hút dầu... để tiến hành thu gom, xử lý dầu tại hiện trường.

- Tránh phát sinh nguồn ô nhiễm thứ cấp: thiết lập ranh giới rõ ràng giữa “vùng ô nhiễm” và “vùng sạch”, kiểm tra thường xuyên các thiết bị để tránh rò rỉ đảm bảo mọi dụng cụ phải kín...

Mọi hoạt động ứng phó đều phải được thực hiện sao cho tính mạng và sự an toàn của lực lượng ứng phó nói riêng và con người nói chung được đảm bảo ở một mức độ cao nhất.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Cơ sở không có sự thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ hoạt động hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án được phê duyệt trong báo cáo ĐTM. Tuy nhiên, hạng mục xử lý nước thải sinh hoạt có thay đổi theo trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt là 99m³ so với thực tế là 5m³ (nhằm đảm bảo với nhu cầu thực tế phát sinh nước thải sinh hoạt tại Cơ sở, trong báo cáo ĐTM là 150 người và thực tế tại Cơ sở là 19 người).

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của 19 CBCNV làm việc tại Khu nhà điều hành

- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn nhiễm dầu tại khu vực trạm dầu.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Nước thải phát sinh tại Khu nhà điều hành được thu gom bằng đường ống nhựa μ PVC $\phi 34 \div \phi 110$ dài 69m, sau đó xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi thấm ra đất trong khuôn viên của Khu nhà điều hành thuộc địa phận khu phố 6, thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh.

- Dòng thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Nước mưa chảy tràn qua trạm dầu (bao gồm bể chứa dầu và cột bơm) được thu gom bằng đường ống D140 dẫn từ 02 hố ga đến bể tách ly dầu với chiều dài đường ống thu gom là 33m và chiều dài đường ống thoát là 5,5m đổ ra cửa biển góc phía Nam của Cơ sở.

1.2.2. Vị trí xả thải

- Vị trí xả thải: Khu phố 6, thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

+ Dòng nước thải số 01: Sau bể tự hoại 3 ngăn tại Khu nhà điều hành: Tọa độ X: 1870151m; Y: 599832m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Dòng nước thải số 02: Tại đầu ra của ống thoát nước μ PVC D140 dài 5,5m đổ ra biển. Tọa độ: X: 1869936m; Y: 599828m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiếu 3⁰)

1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

+ Nguồn thải số 01: 2,28 m³/ngày.đêm

+ Nguồn thải số 02: 30 m³/ngày.đêm

- Phương thức xả nước thải:

+ Nguồn thải số 01: Tự thấm vào đất

+ Nguồn thải số 02: Tự chảy

- Chế độ xả nước thải:

+ Nguồn thải số 01: Xả liên tục (24 giờ)

- + Nguồn thải số 02: Xả liên tục (khi trời mưa)
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:
- + Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của nguồn số 01:

Bảng 12. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	mg/l	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	6
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000

- + Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của nguồn số 02:

Bảng 13. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe)
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	120
3	COD	mg/l	150
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Quá trình hoạt động của Cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn phân tán như giao thông, tàu thuyền. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương IV. Do đó, Chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Từ công đoạn bốc dỡ, vận chuyển hàng hóa tại Cơ sở.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 14. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Trong suốt quá trình hoạt động, Cơ sở đã đầu tư các công trình xử lý nước thải sinh hoạt và nước mưa nhiễm dầu, áp dụng nhiều biện pháp kiểm soát bụi, khí thải, quản lý chất thải rắn thông thường và nguy hại, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đồng thời xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục các tồn tại qua các đợt kiểm tra và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành và chương trình quan trắc môi trường định kỳ.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Cơ sở đã lấy mẫu nước thải tại đầu ra của bể tách ly dầu (trước khi đổ ra của biển) vào ngày 30/3/2025, kết quả như sau:

Bảng 15. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; K _f =1,2; K _q =0,9)
			NTCV	
1	Nhiệt độ	°C	25,6	40
2	pH	-	7,7	5,5 - 9
3	DO	mg/l	6,0	-
4	TSS	mg/l	3,6	108
5	BOD ₅	mg/l	17	54
6	Tổng Nito	mg/l	KPH	43,2
7	Tổng Photpho	mg/l	0,24	6,48
8	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH	10,8
9	Fe	mg/l	0,16	5,4
10	E.Coli	MPN/100ml	41	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu ra ống nước xả ra môi trường của Cảng Cửa Việt;

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột B Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt);

- (-) : Không quy định; KPH: Không phát hiện; (*): Giới hạn phát hiện (MDL).

Nhận xét: Qua kết quả cho thấy, tất cả các thông số tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:

Cơ sở đã thực hiện quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh và vùng làm việc tại Cơ sở, kết quả như sau:

Bảng 16. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí vùng làm việc

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc										QCVN 03: 2019/BYT
			Đợt 1/2021		Đợt 2/2021		Năm 2022		Đợt 1/2023		Đợt 2/2023		
			KCV1	KCV2	KCV1	KCV2	KCV1	KCV2	KCV1	KCV2	KCV1	KCV2	
1	Tiếng ồn	dB(A)	72,0	68,5	71,8	69,0	69,9	68,1	68,9	67,5	68,7	67,4	85 ⁽¹⁾
2	Tổng bụi lơ lửng	µg/m³	203	215	236	158	204	187	KPH	KPH	KPH	KPH	8000 ⁽²⁾
3	Gia tốc rung	m/s²	1,6	0,9	42,0	41,3	55	53	54	52	50	53	3,9 ⁽³⁾
4	NO₂	µg/m³	18	17	22	19	18	25	26	22	16	19	10.000
5	SO₂	µg/m³	15	17	20	16	22	26	35	26	25	26	10.000
6	C _x H _y	µg/m³							236	185			5.000 ⁽⁴⁾
7	Benzen		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH			KPH	KPH	15.000
8	Toluen		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH			KPH	KPH	300.000
9	Styren		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH			KPH	KPH	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KCV1: Không khí tại vị trí trung tâm khu vực Cảng Cửa Việt

+ KCV2: Không khí tại vị trí kho của Cảng Cửa Việt

- QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- (1): QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

- (2): QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- (3): QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc;

- (4): QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- (-): Không quy định;

- KPH: Không phát hiện; (*) Giới hạn phát hiện LOD.

Nhận xét: Qua kết quả cho thấy, tất cả các thông số tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

Bảng 17. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc										QCVN 05:2023/ BTNMT
			Đợt 1/2021		Đợt 2/2021		Năm 2022		Đợt 1/2023		Đợt 2/2023		
			KCV3	KCV4	KCV3	KCV4	KCV3	KCV4	KCV3	KCV4	KCV3	KCV4	
1	Tiếng ồn	dB(A)	68,8	67,5	69,4	67,4	65,4	67,3	66,0	66,8	66,3	67,4	70 ⁽¹⁾
2	Tổng bụi lơ lửng	µg/m³	267	253	193	206	211	192	186	195	208	197	300
3	Độ rung	dB	57,5	59,8	54,4	51,4	50	56	51	57	53	55	70 ⁽²⁾
4	NO ₂	µg/m³	20	25	14	11	10	19	19	14	26	26	200
5	SO ₂	µg/m³	18	21	18	17	17	24	24	21	19	19	350
6	C _x H _y	µg/Nm³							147	156	<7	<7	5.000
7	Benzen	µg/Nm³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH					22
8	Toluen	µg/Nm³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH					500
9	Styren	µg/Nm³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH					260

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KCV3: Không khí tại vị trí cách Cảng Cửa Việt khoảng 100m về phía Đông Bắc

+ KCV4: Không khí tại vị trí cách Cảng Cửa Việt khoảng 300m về phía Tây Bắc

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- (2): QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;

- KPH: Không phát hiện; (*) Giới hạn phát hiện LOD.

Nhận xét: Qua kết quả cho thấy, tất cả các thông số tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh 9,5 kg/ngày (~3,47 tấn/năm), thu gom và lưu giữ vào các thùng rác, toàn bộ được chuyển giao cho Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh.

- Chất thải rắn công nghiệp: Phát sinh khoảng 454,69 tấn/năm thu gom và lưu giữ vào các thùng rác, toàn bộ được chuyển giao cho Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh.

- Chất thải nguy hại: Phát sinh 30 kg/năm, lưu giữ tạm thời trong kho chuyên dụng, toàn bộ được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa.

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Từ thời điểm năm 2020 đến nay, Cơ sở đã có hai đợt làm việc với Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh Quảng Trị. Cụ thể:

- Biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt và Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh Quảng Trị vào lúc 9 giờ 20 phút ngày 10/6/2020. Một số nội dung tồn tại yêu cầu đối với Công ty:

- + Chưa thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ.
- + Chưa xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.
- + Chất thải rắn sinh hoạt, hàng hóa rơi vãi (dăm gỗ) chưa được thu gom triệt để.
- + Chưa được xác nhận hoàn thành công trình biện pháp bảo vệ môi trường.

- Biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt và Phòng Cảnh sát Phòng chống tội phạm về Môi trường - Công an tỉnh Quảng Trị vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 26/11/2021. Một số nội dung tồn tại yêu cầu đối với Công ty:

+ Nhanh chóng xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn để lắng lọc, xử lý trước khi thải ra môi trường biển

- + Trồng bổ sung cây xanh xung quanh khuôn viên Cảng.
- + Bổ sung báo cáo cháy thải nguy hại định kỳ theo đúng quy định.
- + Lập và bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.
- + Bố trí thêm nhân lực, phương tiện nhằm thu gom triệt để chất thải (dăm gỗ...), không để phát tán ra môi trường.

- Theo đó, Công ty đã tiến hành bổ sung, khắc phục các tồn tại, thiếu sót trong công tác bảo vệ môi trường như sau:

+ Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom, bể tách ly dầu và đường ống thoát ra cửa biển.

+ Bố trí nhân lực và phương tiện để quét dọn, thu gom lượng dăm gỗ còn sót nhằm hạn chế phát tán bụi vào những ngày nắng, gió to.

+ Công ty lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và được phê duyệt tại Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cảng Cửa Việt.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước mưa chảy tràn nhiễm dầu của Cơ sở sau khi được cấp GPMT theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực dự kiến vào Quý IV/2025, thời gian vận hành thử nghiệm lúc có mưa.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Quan trắc đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước mưa nhiễm dầu

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí.
- Vị trí quan trắc: tại đầu ra của bể tách ly dầu.
- Loại mẫu: Mẫu đơn.
- Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, Dầu mỡ khoáng.
- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

Chủ cơ sở dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

** Quan trắc môi trường không khí xung quanh*

- Vị trí quan trắc: 04 vị trí
 - + Không khí tại vị trí Nhà kho của Cơ sở;
 - + Không khí tại vị trí Bến cảng số 1 của Cơ sở;
 - + Không khí tại vị trí Bến cảng số 2 của Cơ sở;
 - + Không khí tại vị trí cách Cơ sở khoảng 200m về phía Bắc.
- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, độ rung, độ bụi, SO₂, NO₂, Hydrocacbon.
- Thời gian và tần suất quan trắc: Tần suất quan trắc 06 tháng/lần và quan trắc đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

**** Quan trắc môi trường nước mặt***

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí

+ Nước mặt tại Bến cảng số 1;

+ Nước mặt tại Bến cảng số 2;

- Thông số quan trắc: Nhiệt độ, pH, DO, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng phosphor, Dầu mỡ, Fe, Coliform.

- Thời gian và tần suất giám sát: Tần suất giám sát 06 tháng/lần và giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT.

**** Quan trắc nước mưa chảy tràn qua trạm dầu***

- Vị trí quan trắc: 01 điểm tại đầu ra của bể tách ly dầu (trước khi đổ ra cửa biển).

- Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, Dầu mỡ khoáng.

- Thời gian và tần suất giám sát: Tần suất giám sát 06 tháng/lần (tại thời điểm có mưa) và giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương.

- Quy chuẩn áp dụng: Cột B - QCVN 29:2010/BTNMT (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ tại Cơ sở dự kiến khoảng 60.000.000 đồng/năm.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong giấy phép môi trường.
- Tất cả các biện pháp BVMT sẽ thực hiện theo quy định và hoàn thành đúng thời gian quy định.
- Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Sơ đồ vị trí Cơ sở, sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại Cơ sở;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.